

Số: /GPMT-UBND Quảng Trị, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Ngôi sao kinh tế Tiên Phong số 68/CV ngày 10/3/2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 332/TTr-SNNMT ngày 20/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Ngôi sao kinh tế Tiên Phong, địa chỉ tại thôn Lâm Xuân, xã Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở: Nhà máy chế biến dăm gỗ Tiên Phong tại xã Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy chế biến dăm gỗ Tiên Phong tại xã Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị.

1.2. Địa điểm hoạt động: thôn Lâm Xuân, xã Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3200434232 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 29/01/2010; Đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 14/5/2025.

1.4. Mã số thuế: 3200434232.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến dăm gỗ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích của Cơ sở: 14.378 m².

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Nhóm C.

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương dự án nhóm III, theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Công suất: 150.000 tấn dăm gỗ/năm.

- Công nghệ sản xuất: Gỗ nguyên liệu → Kiểm tra, cân nguyên liệu → Máy bóc vỏ → Máy băm → Hệ thống xuất liệu → Thành phẩm (dăm gỗ) → Xuất bán.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Ngôi sao kinh tế Tiên Phong có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh và UBND xã Cửa Việt tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty CP ngôi sao kinh tế Tiên Phong;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh Hoàng Nam;
- Sở NN&MT;
- BQL KKT tỉnh;
- UBND xã Cửa Việt;
- Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT(Thu).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Nam

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực nhà ăn.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực nhà xưởng sản xuất.
- Nguồn số 04: Nước mưa chảy tràn qua bãi chứa thành phẩm.
- Nguồn số 05: Nước mưa chảy tràn qua khu vực nhiễm dầu mỡ tại kho chứa nhiên liệu.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Mương nước nội đồng tại góc phía Tây Bắc của Cơ sở, thuộc địa phận thôn Tân Xuân, xã Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị.

2.2. Vị trí xả nước thải

Cuối cống thoát (sau khi qua hệ thống xử lý nước thải) đổ ra mương nước nội đồng tại góc phía Tây Bắc của Cơ sở, thuộc địa phận thôn Tân Xuân, xã Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị.

Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 1868.614 m; Y: 621.956 m (Theo Hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực 106⁰, múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 49,8 m³/ngày.đêm.

- *Phương thức xả nước thải:* Tự chảy theo đường ống HDPE D90, chiều dài 150m dẫn ra mương nước nội đồng góc phía Tây Bắc của Cơ sở.

- *Chế độ xả nước thải:* Xả liên tục trong ngày (24 giờ).

- *Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:*

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, Kq=0,9, Kf=1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /ngày	-	01 lần/năm (theo đề xuất của chủ Cơ sở)	Không áp dụng
2	pH	-	5,5 - 9		
3	TSS	mg/l	108		
4	BOD ₅	mg/l	54		
5	COD	mg/l	162		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10,8		
7	Nitơ tổng	mg/l	43,2		
8	Photpho tổng	mg/l	6,48		
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10,8		
10	E.coli	MPN/100ml	-		
11	Coliform	MPN/100ml	5.000		

Kể từ ngày 01/01/2032, chất lượng nước thải của Cơ sở trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm theo QCVN 40:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải đen từ 03 nhà vệ sinh (khu vực nhà văn phòng, nhà ăn và nhà xưởng sản xuất) được thu gom bằng đường ống HDPE dẫn về 03 bể tự hoại 05 ngăn để xử lý;

+ Nước thải đen sau khi được xử lý bằng bể tự hoại kết hợp với nước thải xám được dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất của Cơ sở bằng đường ống nhựa PVC D90.

- Nước thải sản xuất:

+ Nước mưa chảy tràn qua bãi chứa thành phẩm được thu gom bằng mương đất, phủ bạt HDPE dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất của Cơ sở để xử lý.

+ Nước mưa chảy tràn qua khu vực nhiễm dầu mỡ trước kho chứa nhiên liệu được thu gom theo hệ thống rãnh bê tông dẫn về bể tách dầu mỡ để xử lý. Nước sau khi xử lý được đầu nối chung vào ống HDPE D90 đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sản xuất, toàn bộ nước thải được thoát ra mương nước nội đồng ở góc phía Tây Bắc của Cơ sở.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Nước thải thu gom từ 03 bể tự hoại 5 ngăn và nước mưa chảy tràn qua bãi chứa thành phẩm:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sau khi được thu gom từ bể tự hoại và nước mưa chảy tràn qua bãi thành phẩm □ Bể lắng □ Bể lọc (02 bể lọc song song) □ Thoát ra mương nước nội đồng ở góc phía Tây Bắc của cơ sở.

+ Công suất thiết kế: 85 m³/ngày.đêm.

+ Vật liệu: lớp vật liệu trong bể lọc.

- Nước mưa chảy tràn nhiễm dầu mỡ (khu vực kho nhiên liệu):

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước mưa nhiễm dầu mỡ □ Mương gom □ Bể tách dầu mỡ 03 ngăn (tổng thể tích 4,5 m³) □ Đầu nối chung vào ống thoát dầu ra (HDPE D90) của hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

+ Vật liệu: tấm thấm hút dầu.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật.

- Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Khi hệ thống nước thải xảy ra sự cố, Công ty sẽ ngừng sản xuất và khắc phục hệ thống xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Thời gian bắt đầu: 01/5/2026;

- Thời gian kết thúc: 30/5/2026.

- Chủ cơ sở gửi thông báo tới Sở Nông nghiệp và Môi trường trước 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Công suất dự kiến: 100%.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Vị trí lấy mẫu: 04 vị trí:

+ 01 mẫu đầu vào tại hệ thống xử lý nước thải sản xuất;

+ 01 mẫu đầu vào và 01 mẫu đầu ra sau khi qua hệ thống xử lý nước mưa chảy tràn nhiễm dầu mỡ (khu vực kho nhiên liệu);

+ 01 mẫu tại vị trí đầu nổi nước thải ra mương nước nội đồng, nằm tại góc phía Tây Bắc của Cơ sở.

(Vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

- *Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:* Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Đối với hệ thống xử lý nước thải sản xuất: Quan trắc ít nhất 01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.

- Đối với hệ thống xử lý nước mưa chảy tràn nhiễm dầu mỡ (khu vực kho nhiên liệu): quan trắc 01 mẫu đầu vào và 01 mẫu đơn nước thải đầu ra với tần suất 01 đợt/ngày trong giai đoạn vận hành ổn định.

2.4. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện Kế hoạch: Đơn vị có năng lực theo quy định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ các hoạt động của Cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này; đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý đúng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị,...để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

Cơ sở không có công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải mà chỉ áp dụng các biện pháp giảm thiểu, hạn chế tác động đến cán bộ công nhân viên và môi trường xung quanh như sau:

- Sân bãi của Cơ sở được bê tông hóa toàn bộ để hạn chế phát sinh bụi.
- Khu vực máy móc thiết bị sản xuất được bố trí trong khu vực có mái che để giảm thiểu bụi, khí thải.
- Tại các thời điểm không thực hiện bốc dỡ hoặc vận chuyển, đăm gỗ được che phủ bằng bạt, đặc biệt tại các vị trí tiếp giáp với khu vực đất nông nghiệp nhằm hạn chế tác động của gió, giảm khả năng phát tán bụi gỗ và các mảnh đăm gỗ nhỏ ra môi trường xung quanh.
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực Cơ sở với diện tích 2.100 m².
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân (mũ, găng tay, khẩu trang, kính mắt...) phù hợp với môi trường làm việc.
- Bố trí Tổ vệ sinh thường xuyên vệ sinh quét dọn nhà xưởng sạch sẽ sau mỗi ca làm việc đặc biệt là khu vực băm đăm nhằm hạn chế bụi theo gió phát tán vào môi trường không khí.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động của Cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định pháp luật; đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

1. Chịu trách nhiệm chính trong quản lý các nguồn tiếng ồn, độ rung trong phạm vi Cơ sở.
2. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (*Kể từ ngày 01/01/2027 áp dụng theo QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn*).
3. Các nguồn phát sinh độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (*Kể từ ngày 01/01/2027 áp dụng theo QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung*).
4. Vận hành máy móc, thiết bị đúng kỹ thuật; chú trọng công tác kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị trong Cơ sở nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn và độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Chủng loại	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải nguy hại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	15
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 04	5
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	30
4	Pin, ắc quy thải	Rắn	19 06 01	2
Tổng số lượng				52

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh

TT	Chủng loại	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải rắn thông thường	Khối lượng phát sinh (kg/tháng)
1	Vỏ cây	Rắn	09 01 02	891
2	Mùn cưa	Rắn	09 01 03	357
3	Bùn của hệ thống xử lý	Bùn	09 03 06	83
Tổng				1.331

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ cán bộ công nhân viên khoảng 30 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: 03 thùng phuy 120 lít, có nắp đậy, dán nhãn chất thải nguy hại.
- Kho lưu chứa: Kho chứa chất thải nguy hại diện tích 20m² được bố trí góc phía Tây Bắc của Cơ sở.
- Kho chứa được dán nhãn chất thải nguy hại, thực hiện phân loại và thống kê chất thải nguy hại theo đúng quy định.
- Hợp đồng với đơn vị có năng lực để vận chuyển đưa đi xử lý (Hiện nay đã hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTR công nghiệp thông thường

- Vỏ cây và mùn cưa phát sinh trong quá trình sản xuất được thu gom, tập kết tạm thời tại sân bãi góc phía Tây Nam của Cơ sở và vận chuyển bán cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng làm nguyên liệu sản xuất. Hiện nay, Chủ cơ sở đã ký hợp đồng thu mua vỏ cây và mùn cưa với một số đơn vị như Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị, Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Việt Nam, Nhà máy viên năng lượng Cam Lộ,... Trường hợp lưu giữ tại bãi tập kết tạm, Chủ cơ sở sử dụng bạt che đậy kín toàn bộ bề mặt đồng vỏ cây và mùn cưa, không để nước mưa xâm nhập.

- Bùn từ hệ thống xử lý nước thải được nạo vét định kỳ 02 tháng/lần hoặc khi lượng bùn tích tụ nhiều, hợp đồng với Trung tâm Môi trường và Dịch vụ công ích xã Gio Linh thu gom và đưa đi xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 12 thùng đựng rác bằng nhựa loại 120L có nắp đậy.

- Hợp đồng với Trung tâm Môi trường và Dịch vụ công ích xã Gio Linh vận chuyển xử lý, tần suất 02 lần/tuần.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

1. Chủ cơ sở thực hiện các yêu cầu về phòng ngừa sự cố chất thải, ứng phó sự cố chất thải theo hướng dẫn tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường.

2. Chủ cơ sở thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Cơ sở.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Giảm thiểu chất thải phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả quản lý.
4. Chất thải phải được phân định, phân loại, thu gom và hợp đồng chuyển giao xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường theo đúng quy định.
5. Tuân thủ thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo đúng trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và quy định pháp luật về môi trường có liên quan.
6. Phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết những kiến nghị, khiếu nại về môi trường do ảnh hưởng của Cơ sở; đền bù, khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường do hoạt động của Cơ sở.
7. Tuân thủ các quy định pháp luật khác liên quan đến Cơ sở trong quá trình hoạt động.
8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026.
9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.